TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2018/QĐST-HNGĐ	*Sông Công, ngày 28 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2018 giữa:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ DP Ph phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

***Bị đơn:** Anh Kiều Văn C, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Tổ DP Ph, phường C, thành phố S tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thu T và anh Kiều Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T và anh Kiều Văn C thuận tình

ly hôn.

2.2.Về con chung: Có 02 con chung tên Kiều Thị Minh Th sinh năm 2008, con nhỏ Kiều Thị Th1; sinh 09/01/2013 sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Công được quyền đi lại thăm nom con chung.

2.3.Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về án phí: Chị T tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0010857 ngày 27/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, anh C đồng ý. Hoàn trả chị T 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh;*
- *VKSND;*
- *THADS;*
- *UBND P Cải Đan;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Dương Văn Bản